

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG ĐIỀN
TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 74/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 23 - 9 - 2024

V/v “*Tranh chấp ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG ĐIỀN, TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Dung.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Thủy.

2. Bà Nguyễn Thị Di.

Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Duyên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Điền tham gia phiên tòa:
Ông Vũ Văn Long – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 195/2024/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2024 về việc “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 75/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 8 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 54/2024/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 9 năm 2024 giữa các đương sự:

1- *Nguyên đơn:* Ông Mai Văn T, sinh năm: 1961. (có mặt)

Nơi đăng ký HKTT: Tổ 31/4 Ô4 khu phố H1, thị trấn L, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Chỗ ở hiện nay: Đường N, khu phố H, thị trấn L, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

2- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Bé H, sinh năm: 1959. (có mặt)

Địa chỉ: Ô tổ C khu phố H, thị trấn L, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Mai Văn T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Mai Văn T và bà Nguyễn Thị Bé H chung sống với nhau vào năm 1988, đến năm 1990 thì đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Nai (nay là thị trấn L, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu), ông T và bà Bé H tự nguyện chung sống không bị ai ép buộc, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2000 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông T bị bệnh viêm gan B, vợ chồng thường xuyên xảy ra xích mích, cãi vã

nhau bất đồng quan điểm, không có sự đồng cảm chia sẻ với nhau về tình cảm cũng như kinh tế, nên ông T và bà Bé H đã sống ly thân từ năm 2000 cho tới nay, mặc dù hai bên gia đình đã nhiều lần hàn gắn nhưng không thành, hiện nay ông T tuổi cao lại đang có bệnh tim nên muốn được yên tĩnh tĩnh dưỡng đồng thời ông Mai Văn T không còn tình cảm với bà Nguyễn Thị Bé H nữa nên yêu cầu ly hôn.

- Về con chung: Ông T xác định, ông T và bà Bé H có 02 (hai) người con chung là các cháu Mai Trọng Q, sinh năm: 1988 và Mai Thành C, sinh năm: 1991. Hiện nay cháu Q và cháu C đã trên 18 tuổi, phát triển bình thường, lập gia đình riêng ổn định, ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn bà Nguyễn Thị Bé H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, bà Bé H đã nhận các văn bản tố tụng đối với vụ án này, nhưng không chấp hành. Vì vậy, Tòa án đã tiến hành các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Điền phát biểu về quá trình giải quyết vụ án: Về tố tụng: Xác định việc thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền. Thẩm phán, thư ký trong quá trình giải quyết vụ án, HĐXX và nguyên đơn tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn đã được tổng đạt hợp lệ nhưng không chấp hành. Về nội dung vụ án đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn; Về con chung: Ông Mai Văn T và bà Nguyễn Thị Bé H có 02 (hai) người con chung là các cháu Mai Trọng Q, sinh năm: 1988 và Mai Thành C, sinh năm: 1991, hiện nay 02 cháu đã trên 18 tuổi, phát triển bình thường nên không xét đến; Về tài sản chung và nợ chung: Ông T không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ông Mai Văn T yêu cầu ly hôn với bà Nguyễn Thị Bé H, bà Bé H hiện đang sinh sống tại huyện L nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Điền theo quy định tại khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bà Bé H được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do nên HĐXX quyết định xét xử vắng mặt bà Bé H theo Điều 227 và 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Mai Văn T và bà Nguyễn Thị Bé H tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1988, có đăng ký kết hôn, do đó hôn nhân giữa ông T và bà Bé H là hợp pháp. Theo ông T, vợ chồng chung hạnh phúc đến khoảng năm 2000 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, không có sự chia sẻ đồng cảm với nhau trong tình cảm cũng như kinh tế, đời sống chung không còn hạnh phúc, ông T và bà Bé H đã sống ly thân từ năm 2000 cho đến nay, hiện nay ông T không còn tình cảm với bà Bé H nữa nên yêu cầu ly hôn. Hội đồng xét xử thấy rằng, vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng nhau, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, trong quá trình thụ lý vụ án Tòa án đã mời ông T và bà B Hai tới Tòa án làm việc để hòa giải, hàn gắn tình cảm vợ chồng, nhưng bà Bé H không có mặt, điều này cho thấy mâu

thuần giữa ông T và bà Bé H là có thật và trầm trọng, vợ chồng không còn yêu thương tôn trọng nhau, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên có cơ sở cho ông Mai Văn T ly hôn với bà Nguyễn Thị Bé H.

[2.2] Về con chung: Ông T xác định, ông T và bà Bé H có 02 (hai) người con chung là các cháu Mai Trọng Q, sinh năm: 1988 và Mai Thành C, sinh năm: 1991. Hiện nay cháu Q và cháu C đã trên 18 tuổi, phát triển bình thường, ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xét đến.

[2.3] Tài sản chung và nợ chung: Ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Ông Mai Văn T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được miễn do thuộc trường hợp người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Bà Nguyễn Thị Bé H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 227 và 228 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015. Các Điều 51, 56 và 57 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Mai Văn T được ly hôn với bà Nguyễn Thị Bé H.

2. Về con chung: Ông Mai Văn T và bà Nguyễn Thị Bé H có 02 (hai) người con chung là các cháu: Mai Trọng Q, sinh năm: 1988 và Mai Thành C, sinh năm: 1991. Hiện nay cháu Q và cháu C đã trên 18 tuổi, phát triển bình thường nên không xét đến.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Ông Mai Văn T không yêu cầu giải quyết nên không xét đến.

4. Về án phí: Ông Mai Văn T và bà Nguyễn Thị Bé H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (23/9/2024), các đương sự được quyền kháng cáo bản án để yêu cầu tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử phúc thẩm. Đối với đương sự vắng mặt thì thời hạn này được tính từ ngày nhận bản sao bản án hoặc bản sao bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND H.Long Điền;
- UBND TT.Long Hải,
(số 113/1990, ngày 13/6/1990);
- TAND tỉnh BRVT;
- Chi cục THADS H.Long Điền;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Thị Ngọc Dung

